

Phụ lục 3

**BẢNG THỐNG KÊ BIÊN CHẾ/ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC
SAU KHI CHUYỂN GIAO**

(Kèm theo Đề án số 13031/ĐA-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
	Tổng	2.735	423	89	155	164	2.472	257
I	Trung tâm Y tế khu vực Biên Hòa	227			9	3	160	11
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	224			8	2	160	11
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	12				1	8	11
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	13			1		6	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	16			1	1	10	
2.4	Phòng Điều dưỡng	7					2	
2.5	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	22			1		19	
2.6	Khoa Nội tổng hợp	9					7	
2.7	Khoa Truyền nhiễm	8			1		5	
2.8	Khoa Hồi sức cấp cứu	20					15	
2.9	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	9					8	
2.10	Khoa Ngoại tổng hợp	12			1		9	
2.11	Khoa Khám bệnh	22					14	
2.12	Khoa Liên chuyên khoa	9			1		5	
2.13	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	12			1		8	
2.14	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	19					17	
2.15	Cơ sở Điều trị Methadone số 2	8					6	
2.16	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7					3	
2.17	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	15			1		14	
2.18	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	4					4	
II	Trung tâm Y tế khu vực Long Khánh	51			4	2	30	2
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1			
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	48			3	2	30	2
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính-Tài chính - Kế toán	7			1	1	5	2
2.2	Phòng KHNH- Dược - VT, TBYT	7					4	
2.3	Khoa KSBT - HIV/AIDS	7				1	6	
2.4	phòng khám Đa khoa và Điều trị Nghiện chất	10			1		9	
2.5	Khoa Xét nghiệm - CDHA	7			1		4	
2.6	Khoa YTCC - Thực phẩm và Dinh dưỡng	5						
2.7	Khoa Dân số - TTGDSK	5					2	
III	Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bom	228			13	4	179	26
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	225			12	2	179	26
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	9			1	1	7	9
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	10			1		7	
2.3	Phòng Điều dưỡng	3			1		2	
2.4	Phòng Tài chính - Kế toán	17			1	1	15	
2.5	Khoa Khám bệnh	18			1		16	1
2.6	Khoa Xét nghiệm	8			1		6	
2.7	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	20			1		16	
2.8	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	12					11	
2.9	Khoa Hồi sức cấp cứu	31			1		27	2

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
2.10	Khoa Nội Nhi Nhiễm	20			1		16	2
2.11	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	13			1		11	1
2.12	Khoa Ngoại Tổng hợp	17			1		15	2
2.13	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	18			1		13	2
2.14	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	13					6	1
2.15	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	8					3	4
2.16	Cơ sở Điều trị Methadone số 5	8					8	2
IV	Trung tâm Y tế khu vực Thống Nhất	183			13	7	155	10
I	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
II	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	180			12	6	155	10
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	6			1	1	3	10
2	Phòng KHNV	9			1		6	
3	Phòng Tài chính - Kế toán	10			1	1	7	
4	Phòng điều dưỡng	2			1		1	
5	Khoa Kiểm soát bệnh tật và (Methadone)	12				1	10	
6	Khoa Y tế công cộng	4				1	3	
7	Khoa khám bệnh	22			1		21	
8	Khoa Hồi sức cấp cứu	19			1		18	
9	Khoa Xét nghiệm	9			1		8	
10	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	9			1		8	
11	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	8				1	6	
12	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	15			1		14	
13	Khoa Ngoại tổng hợp	11			1		10	
14	Khoa Dược - TTB - VTYT	16			1		15	
15	Khoa Nội tổng hợp	9				1	7	
16	Khoa Nhi - Nhiễm	8					8	
17	Khoa YHCT - PHCN	11			1		10	
V	Trung tâm Y tế khu vực Tân Phú	230			7	10	182	7
1	Lãnh đạo Trung tâm	2			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	228			6	9	182	7
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	6					6	6
2.2	Phòng Tài chính - Kế toán	14			1	1	11	
2.3	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	8				1	6	
2.4	Phòng Điều dưỡng	6			1			
2.5	Khoa Khám bệnh	28				1	22	
2.6	Khoa Hồi sức cấp cứu	25			1	1	21	
2.7	Khoa Nội tổng hợp - Nhi - Nhiễm	36				1	29	
2.8	Khoa Ngoại tổng hợp	16				1	12	
2.9	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	19				1	16	
2.10	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	12			1	1	9	
2.11	Khoa kiểm soát bệnh, tật và HIV/AIDS	15					14	
2.12	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	6			1		4	1
2.13	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	12			1		11	
2.14	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	6					6	
2.15	Khoa Xét nghiệm	11				1	7	
2.16	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	8					8	
VI	Trung tâm Y tế khu vực Định Quán	50			4	7	37	5
1	Lãnh đạo Trung tâm	2			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	48			3	6	37	5
2.1	Phòng Tổ chức Hành chính và Tài chính Kế toán	9			1	1	7	3
2.2	Phòng KHNV - Dược, VT, TBYT	7				1	6	
2.3	Phòng Khám ĐK và ĐTNC	11			1	1	8	2
2.4	Khoa YTCC - TP và DD	6			1	1	4	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
2.5	Khoa XN và CDHA	7				1	5	
2.6	Khoa KSBT và HIV/AIDS	8				1	7	
2.7	Khoa Dân số - Truyền thông và GDSK							
VII	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Cửu	195			8	8	156	19
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	192			7	7	156	19
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	12			1	2	8	9
2.2	Phòng KH NV	9			1		8	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	11				1	9	
2.4	Phòng Điều dưỡng	2			1		1	
2.5	Khoa Khám bệnh	12				1	11	3
2.6	Khoa YHCT-PHCN	18					18	
2.7	Khoa Nội tổng hợp	16					15	
2.8	Khoa Hồi sức cấp cứu	21				1	17	
2.9	Khoa Nhi	8					5	1
2.10	Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản	13				1	8	2
2.11	Khoa Dược - TTB/VTYT	13			1		12	
2.12	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7					4	
2.13	Khoa Xét nghiệm- chẩn đoán hình ảnh	17			1	1	13	
2.14	Khoa Ngoại	14					10	2
2.15	Khoa Kiểm soát bệnh tật/HIV-AIDS	9			1		8	
2.16	Khoa YTCC-DD	6			1		5	
2.17	Cơ sở điều trị Methadone	4					4	2
VIII	Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Mỹ	221			7	19	184	19
1	Lãnh đạo Trung tâm	3				2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	218			7	17	184	19
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	7				1	5	11
2.2	Phòng KH NV ĐD	12					12	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	14			1	1	12	
2.4	Phòng Dân số - TT & GDSK							
2.5	Khoa Kiểm soát bệnh & HIV/AIDS	13				2	7	
2.6	Khoa YTCC - ATTP	7				1	4	
2.7	Khoa Khám bệnh	24			1	1	22	1
2.8	Khoa Hồi sức cấp cứu	17			1		16	
2.9	Khoa YHCT-PHCN	21				2	19	
2.10	Khoa Nội - Nhiễm	20			1	2	17	
2.11	Khoa Nhi	9				1	7	
2.12	Khoa Ngoại - GMHS	21				3	18	
2.13	Khoa Chăm sóc SKSS - Phụ sản	12				2	10	
2.14	Khoa Xét nghiệm & CDHA	22			1	1	20	
2.15	Khoa Dược - Vật tư, THBYT	14			1		13	
2.16	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	5			1		2	7
XIX	Trung tâm Y tế khu vực Nhon Trạch	194			9	10	158	13
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	191			8	9	158	13
2.1	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	9			1	1	6	
2.2	Phòng Tổ chức - Hành chính	11			1	2	8	13
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	12			1	1	10	
2.4	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	13			1		11	
2.5	Khoa Khám bệnh	12					12	
2.6	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích và chống độc	17				1	15	
2.7	Khoa Nội - Nhiễm	19			1	1	16	
2.8	Khoa Ngoại - Gây mê hồi sức	15					11	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
2.9	Khoa Nhi	9					8	
2.10	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	8				1	5	
2.11	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	10			1		9	
2.12	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	22				1	20	
2.13	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	8			1		7	
2.14	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư Y tế	18			1		15	
2.15	Khoa Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS	8				1	5	
XX	Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc	273			12	7	231	26
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1			
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	270			11	7	231	26
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	7			1		5	14
2.2	Phòng KH NV ĐD	17				2	12	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	15			1		13	
2.4	Khoa Dược - VT, TBVT	17			1		15	
2.5	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	15			1		13	
2.6	Khoa Nhi	18				2	14	
2.7	Khoa Nội - Nhiễm	23			1		19	
2.8	Khoa Ngoại - Gây mê hồi sức	24			1	1	21	
2.9	Khoa CSSKSS&PS	19					18	
2.10	Khoa Khám bệnh	15					15	
2.11	Khoa Cấp cứu - HSTC & CD	29			1		27	
2.12	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	16			1		15	
2.13	Khoa Xét nghiệm	16			1		14	
2.14	Khoa YHCT-PHCN	17			1		16	
2.15	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7			1	1	2	8
2.16	Khoa KSBT-HIV/AIDS và cơ sở điều trị Methadone	15				1	12	4
XIX	Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	58			6	4	40	5
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1			
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	55			5	4	40	5
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế toán	9			1	1	7	5
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Dược - Vật tư, thiết bị Y tế	9			1	1	7	
2.3	Khoa Dân số, Sức khỏe Sinh sản, Truyền thông và Giáo dục Sức khỏe	4			1		3	
2.4	Khoa Y tế Công cộng - Thực phẩm và Dinh dưỡng	3					3	
2.5	Khoa Kiểm soát Bệnh tật và HIV/AIDS	10			1	1	7	
2.6	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán Hình ảnh	10				1	7	
2.7	Phòng khám Đa khoa (bao gồm CSDT Methadone số 3)	10			1		6	
XII	Trung tâm Y tế khu vực Phú Riềng	18		10	1		15	4
1	Lãnh đạo Trung tâm	1			1			
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	17		10			15	4
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	3		10			2	4
2.2	Phòng KH NV - DS, TT	4					3	
2.3	Khoa Y tế công cộng	4					4	
2.4	Khoa KSBT-HIV/AIDS	6					6	
XIII	Trung tâm Y tế khu vực Bình Long	46	137	16	12	20	136	13
1	Lãnh đạo Trung tâm	4			1	3		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	42	137	16	11	17	136	13
2.1	Phòng Tổ chức Hành chính	8		16	1	1	6	13

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
2.2	Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ	8			1	1	6	
2.3	Phòng Tài chính Kế toán	7			1	1	5	
2.4	Phòng Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn	7			1		1	
2.5	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	1	11		1	2	11	
2.6	Khoa Xét nghiệm	1	7		1		5	
2.7	Khoa Khám bệnh	1	7		1		4	
2.8	Khoa Liên chuyên khoa Mắt, Răng- Hàm- Mặt, Tai - Mũi- Họng, Da liễu	1	6			1	6	
2.9	Khoa Hồi sức cấp cứu		23			1	22	
2.10	Khoa Ngoại Tổng hợp	1	7			1	3	
2.11	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	10		1	1	9	
2.12	Khoa Nhi	1	9			2	8	
2.13	Khoa Nội Tổng hợp	1	8		1	1	7	
2.14	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	1	10			1	9	
2.15	Khoa Chấn thương chỉnh hình	1	7		1	1	2	
2.16	Khoa Truyền nhiễm		7		1		7	
2.17	Khoa Phẫu thuật, gây mê hồi sức		6			1	6	
2.18	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh		16			2	15	
2.19	Khoa Kiểm soát bệnh tật-An toàn thực phẩm	2	3				4	
XIV	Trung tâm Y tế khu vực Phước Long	138	52	8	8	7	149	20
1	Lãnh đạo Trung tâm	1			1			
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	137	52	8	7	7	149	20
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	9		8	1		6	6
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	12			1		9	1
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	11				1	8	1
2.4	Khoa Hồi sức cấp cứu	18	6			1	17	4
2.5	Khoa Nội tổng hợp	10	7		1		15	
2.6	Khoa Nhi	7	6		1		10	1
2.7	Khoa Ngoại tổng hợp	12	7			1	14	3
2.8	Khoa Xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh	7	4		1		10	1
2.9	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	12	3			1	12	1
2.10	Khoa Khám bệnh	9	9		1	1	14	1
2.11	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	11	6				14	1
2.12	Khoa Dược - vật tư, thiết bị y tế	9	4		1	1	11	
2.13	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7				1	6	
2.14	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	3					3	
XV	Trung tâm Y tế khu vực Bù Đốp	88	20	10	7	10	89	10
1	Lãnh đạo Trung tâm	2				2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	86	20	10	7	8	89	10
2.1	Phòng Hành chính tổng hợp	17	1	8	1	1	19	8
2.2	Khoa Khám bệnh - YHCT - PHCN - LCK	7	6		1		13	
2.3	Khoa HSCC	13	2	1	1	1	10	1
2.4	Khoa Nội Nhi Nhiễm	11	3			2	9	
2.5	Khoa Ngoại tổng hợp	7	4	1	1		9	1
2.6	Khoa Xét nghiệm & CĐHA	6	2			1	8	
2.7	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị Y tế	7			1	1	5	
2.8	Khoa Kiểm soát bệnh tật&ATTP	10			1	2	7	
2.9	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	8	2		1		9	
XVI	Trung tâm Y tế khu vực Chơn Thành	84	20	6	5	8	85	5
1	Lãnh đạo Trung tâm	2				1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	82	20	6	5	7	85	5
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	5	2	2	1		5	1
2.2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	5	2			1	6	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
2.3	Khoa Khám bệnh và LCK: Mắt - TMH - RHM	10		1		1	8	1
2.4	Khoa Hồi sức cấp cứu	15	4		1	1	17	
2.5	Khoa Nội Nhi Nhiễm	7	3		1	1	8	
2.6	Khoa Kiểm soát bệnh tật và An toàn thực phẩm	9		3		1	5	3
2.7	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	8	3			1	10	
2.8	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	4	1				5	
2.9	Khoa Ngoại - Sản	8	5		1		12	
2.10	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	11			1	1	9	
XVII	Trung tâm Y tế khu vực Bù Gia Mập	62	18	8	2	2	52	19
1	Lãnh đạo Trung tâm	2	1		1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	60	17	8	1	1	52	19
2.1	Phòng Tổ chức Hành chính - Tài chính Kế toán	10		5		1	5	6
2.2	Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ	7					2	1
2.3	Khoa Khám bệnh	5	3	1	1		4	2
2.4	Khoa Cận lâm sàng	5	2				6	2
2.5	Khoa Hồi sức cấp cứu	6	2	1			8	1
2.6	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - YHCT và PHCN	8	2	1			8	3
2.7	Khoa Ngoại tổng hợp	5	2				3	1
2.8	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	4	3				7	
2.9	Khoa Dược - Thiết bị, vật tư y tế	6	3				6	2
2.10	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS	4					3	1
XVIII	Trung tâm Y tế khu vực Đồng Xoài	56	11	5	3	4	55	3
1	Lãnh đạo Trung tâm	1				1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	55	11	5	3	3	55	3
1	Phòng Hành chính - Tổng hợp	7		5	1	1	5	3
2	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	9					9	
3	Khoa An toàn VSTP - YTCC và Dinh dưỡng	3					3	
4	Khoa Chăm sóc SKSS và Dân số	5				1	3	
5	Khoa Khám bệnh	10	5			1	10	
6	Khoa Hồi sức CC và Nội - Nhi - Nhiễm	4	1				5	
7	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	7	1		1		7	
8	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	4	1		1		4	
9	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	6	3				9	
XIX	Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng	117	40	7	1	2	136	13
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	114	40	7			136	13
2.1	Khoa Hồi sức cấp cứu	13	1				12	1
2.2	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	18					18	
2.3	Khoa Nội - Truyền nhiễm	17					15	
2.4	Khoa ngoại tổng hợp	19					17	
2.5	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	15					13	
2.6	Khoa Xét nghiệm và CĐHA	15					15	
2.7	Khoa khám bệnh		17				16	1
2.8	Khoa YHCT và PHCN		8				8	
2.9	Khoa Nhi		8				8	
2.10	Phòng Hành chính tổng hợp	12	6	7			9	11
2.11	Khoa KSBT và ATP:	5					5	
XX	Trung tâm Y tế khu vực Hớn Quản	74		6	10	11	43	12
1	Lãnh đạo Trung tâm	3				2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	71		6	10	9	43	12
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	3		6		1	1	12
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	4			1		3	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	6			2	1	1	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
2.4	Phòng Điều dưỡng	2			1		1	
2.5	Khoa Khám bệnh	7			1	1	5	
2.6	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	8			1	1	5	
2.7	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	7				1	5	
2.8	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	7			1		5	
2.9	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	7			1	1	5	
2.10	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	9			1	1	6	
2.11	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	3				1	1	
2.12	Khoa Nội	8			1	1	5	
XXI	Trung tâm Y tế khu vực Đồng Phú	73	20	5	6	9	77	9
1	Lãnh đạo Trung tâm	2			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	71	20	5	5	8	77	9
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp	9		5		2	7	5
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	7					6	
2.3	Khoa Kiểm soát Bệnh tật và HIV/AIDS	7				1	6	
2.4	Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	2			1		1	
2.5	Khoa Hồi sức cấp cứu- Ngoại tổng hợp - Sản	13				2	11	2
2.6	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán Hình ảnh	5	2		1		6	1
2.7	Khoa Khám bệnh	8	8		1		15	1
2.8	Khoa Nội tổng hợp - Nhi - Nhiễm	7	4			1	10	
2.9	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	7	5		1	1	10	
2.10	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	6	1		1	1	5	
XXII	Trung tâm Y tế khu vực Lộc Ninh	69	105	8	8	10	123	6
I	Lãnh đạo Trung tâm	2				2		
II	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	67	105	8	8	8	123	6
2.1	Phòng Tổ chức Hành chính - Tài chính Kế toán	6	4	8		2	9	6
2.2	Phòng KH NV ĐD	6	5			1	7	
2.3	Khoa Dược	5	11		1		10	
2.4	Khoa Hồi sức cấp cứu	5	10		1	1	10	
2.5	Khoa Nội Nhi	6	13		1		12	
2.6	Khoa Nhiễm	5	11		1	1	10	
2.7	Khoa Ngoại	6	12		1		10	
2.8	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	5	10		1	1	10	
2.9	Khoa Y Dược cổ truyền	5	8				10	
2.10	Khoa Y tế dự phòng	6			1		5	
2.11	Khoa Khám bệnh	6	15		1	1	15	
2.12	Khoa xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh	6	6			1	15	